

Bản án số: **10/2026/HNGĐ-PT**

Ngày: **04 – 3 – 2026**

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp
tài sản chung, nợ chung vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Đình Trung**

Bà **Đinh Thị Kiều Lương**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hòa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Thế Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2025/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, tranh chấp tài sản chung, nợ chung vợ chồng*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân khu vực 4 – Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 07/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Yoko H**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: A Chung cư I T, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Yoko H (đối với phần tài sản chung, nợ chung): Ông **Thạch Huỳnh N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số A U, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2021)

2. Bị đơn: Ông **Vũ Xuân H1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: A ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã G, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: 12.04 lô C, Chung cư S, số I T, phường N, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1943.

Địa chỉ: A ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã G, tỉnh Đồng Nai).

3.2. Bà **Nguyễn Hải L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: A Chung cư S, số I T, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông **Nguyễn Thế Anh H2**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Căn hộ D. 03 Chung cư A, khu phố E, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2026)

3.3. Ông **Nguyễn Ngọc Á**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: A ấp A, xã P, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, thành phố Hồ Chí Minh).

3.4. Ông **Phạm Đức T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 3 C, phường G, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

3.5. Bà **Vũ Thị L1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: A N, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

3.6. Ông **Trịnh Văn T1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: D P, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1, ông T1: Ông **Phạm Xuân Đ**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: B Chung cư L, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, thành phố Hồ Chí Minh).

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2025)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Xuân H1.

(Ông N, ông Xuân H1, bà M, ông Anh H2, ông Á, ông Đ có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

- Nguyên đơn bà Yoko H và Người đại diện theo ủy quyền của bà Yoko H về phần tài sản chung, nợ chung do ông Thạch Huỳnh N trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Vũ Xuân H1 kết hôn với nhau năm 2002 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1334 ngày 19/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không cùng ngôn ngữ và ông H1 thường xuyên bạo hành vợ con. Đến năm 2013, ông H1 phát sinh nhiều khoản nợ bên ngoài nên các chủ nợ đến nhà có những hành động bạo lực làm ảnh hưởng đến đời sống của bà và các con. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng ông bà không còn chung sống với nhau, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Vũ Xuân H1.

+ *Về con chung*: Bà và ông Vũ Xuân H1 có 02 con chung là Hiroki H3, sinh năm 2001 quốc tịch Nhật Bản và A (Vũ Trịnh Thiên A), sinh năm 2005 quốc tịch Nhật Bản – Việt Nam. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Giữa bà Yoko H với ông Vũ Xuân H1 không có tài sản chung, nợ chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với việc phản tố của ông H1 cho rằng vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 401 tờ bản đồ số 19 là căn hộ 12.04 lô C Chung cư 974A Trường Sa là không đúng vì đây là tài sản riêng của ông H1, bà cũng đã làm Văn bản cam kết ngày 27/11/2018 xác nhận đây là tài sản riêng của ông H1, được Văn phòng Công chứng, chứng thực. Đối với các khoản nợ ông H1 liệt kê và cho rằng đây là khoản nợ chung của bà Yoko H và ông H1 là không đúng vì bà Y không mượn tiền của bất kỳ ai, đồng thời ông H1 và bà M, bà L không cung cấp được các giấy tờ chứng minh việc vay mượn tiền nên không có cơ sở cho rằng các khoản nợ này là nợ chung. Bà Yoko H không đồng ý với yêu cầu của ông H1 buộc bà phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ này cho bà M, bà L.

- Bị đơn ông Vũ Xuân H1 trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Yoko H kết hôn với nhau năm 2002 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nay bà Y yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì lý do xin ly hôn của nguyên đơn là không đúng sự thật.

+ *Về con chung*: Có 02 con chung là Hiroki H3, sinh năm 2001 quốc tịch Nhật Bản và A (Vũ Trịnh Thiên A), sinh năm 2005 quốc tịch Nhật Bản – Việt Nam. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có mua căn hộ tại chung cư tại lô A Chung cư S, số I T, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh của bà Huỳnh Thị Mỹ D. Khi mua căn hộ này, ông không đủ tiền nên đã hỏi mượn tiền của bà Nguyễn Thị M nhiều lần với tổng số tiền còn nợ là 2.120.000.000đ, mỗi lần mượn tiền của bà M thì ông vẫn có trao đổi cho bà Y biết

và được bà Y đồng ý nên đây là tài sản chung vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung này theo quy định của pháp luật.

+ *Về nợ chung*: Hai vợ chồng ông bà có nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 2.120.000.000đ và nợ của bà Nguyễn Hải L số tiền 606.500.000đ. Ông yêu cầu bà Yoko H phải có nghĩa vụ cùng ông thanh toán số tiền nợ này cho bà M và bà L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Vũ Xuân H1 và bà Yoko H phải có nghĩa vụ trả lại số tiền bà đã gửi giữ hộ là 341.845.000đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hải L có văn bản trình bày:

Bà là cháu của ông Vũ Xuân H1. Năm 2016 bà có mua căn hộ chung cư C tại quận B, thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bà thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền và trả nợ hàng tháng. Năm 2018 vợ chồng ông H1 và bà Y có hỏi mượn bà số tiền 1.000.000.000đ để trả nợ liên quan đến việc mua căn hộ A chung cư S nên bà bán căn hộ của bà cho ông H1 và bà Y vay. Sau khi bán căn hộ bà trả nợ cho Ngân hàng và còn lại số tiền 626.500.000đ bà cho ông H1 và bà Y vay. Do bà đang ở nước ngoài và có dịp về thăm gia đình nên bà mới biết sự việc ông H1 và bà Y ly hôn nên bà có đơn khởi kiện gửi bằng đường bưu điện cho Tòa án yêu cầu bà Yoko H và ông Vũ Xuân H1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 625.500.000đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Á trình bày:

Ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 1785/2019/DS-ST và Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 619/2020/DS-PT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông và ông Vũ Xuân H1. Hiện nay hai bản án này đã có hiệu lực pháp luật và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định Thi hành án đối với tài sản là căn hộ 12.04C chung cư S của ông Vũ Xuân H1. Ông H1 yêu cầu Tòa án công nhận đây là tài sản chung vợ chồng ông H1 và yêu cầu chia tài sản này là không đúng vì đây là tài sản riêng của ông H1.

Ông xác định không liên quan gì trong vụ án tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung, nợ chung giữa ông H1 và bà Y, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức T trình bày:

Ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 1785/2019/DS-ST và Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 619/2020/DS-PT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông và ông Vũ Xuân H1. Hiện nay hai bản án này đã có hiệu lực pháp luật và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định Thi hành án đối

với tài sản là căn hộ 12.04C chung cư S của ông Vũ Xuân H1. Ông H1 yêu cầu Tòa án công nhận đây là tài sản chung vợ chồng ông H1 và yêu cầu chia tài sản này là không đúng vì đây là tài sản riêng của ông H1.

Ông xác định không liên quan gì đến vụ án này và không yêu cầu Tòa án giải quyết gì vì tài sản này đã được Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên. Ông đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 và bà Vũ Thị L1 do ông Phạm Xuân Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh ban hành các Quyết định thi hành án buộc ông Vũ Xuân H1 phải trả cho ông Trịnh Văn T1 số tiền còn nợ là 1.000.000.000đ và trả cho bà Vũ Thị L1 số tiền 500.000.000đ. Để đảm bảo thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự Quận 3 – thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án Dân sự khu vực 1 – thành phố Hồ Chí Minh) đã ra quyết định tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với Căn hộ số 12.04C chung cư S T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh của ông Vũ Xuân H1. Căn hộ này là tài sản riêng của ông H1 và được thể hiện rõ bằng việc bà Y đã tự nguyện ký cam kết và có xác thực của tổ chức hành nghề công chứng. Việc ông H1 yêu cầu chia tài sản chung đối với căn hộ này và yêu cầu giải quyết các khoản nợ không có thật là dấu hiệu của việc cố tình tẩu tán tài sản để nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án và kéo dài quá trình thi hành án. Ông T1, bà L1 đề nghị Tòa án bác yêu cầu chia tài sản của ông H1 liên quan đến căn hộ này.

2. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai đã căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Yoko H. Bà Yoko H được ly hôn với ông Vũ Xuân H1.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Hiroki H3, sinh năm 2001 quốc tịch Nhật Bản và A (Vũ Trịnh Thiên Ân), sinh năm 2005 quốc tịch Nhật Bản – Việt Nam. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố chia tài sản chung vợ chồng của ông Vũ Xuân H1 đối với Căn hộ số 12.04 Lô C T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh do đây là tài sản riêng của ông Vũ Xuân H1.

[4] Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân H1 về việc buộc bà Yoko H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị M

số tiền 2.120.000.000đ và thanh toán cho bà Nguyễn Hải L số tiền còn nợ là 606.500.000đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

3. Kháng cáo của bị đơn ông H1:

Ngày 06 tháng 10 năm 2025 và ngày 03 tháng 11 năm 2025, bị đơn ông Vũ Xuân H1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai để xét xử lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

4. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Yoko H và ông Vũ Xuân H1 đã trầm trọng, không thể hàn gắn, hiện nay cả hai đã ly thân, không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Yoko H là có căn cứ.

- Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Xuân H1 yêu cầu tài sản chung là Căn hộ số 12.04C chung cư S T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh), xét thấy đây là tài sản riêng của ông Vũ Xuân H1 đã được bà Yoko H làm Văn bản cam kết ngày 27/11/2018 xác nhận đây là tài sản riêng của ông H1, được Văn phòng C, chứng thực nên việc ông H1 yêu cầu chia tài sản này là không có cơ sở. Trường hợp ông H1 có chứng cứ về việc ông và bà Yoko H còn tài sản chung là căn hộ ở Nhật Bản thì có quyền yêu cầu chia tài sản này bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: Ông H1 trình bày ông bà có nợ chung bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Hải L. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bà M và bà L không có yêu cầu độc lập về vấn đề nợ, không có chứng cứ chứng minh đây là nợ chung vợ chồng nên yêu cầu của ông H1 về việc buộc bà Yoko H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là không có cơ sở.

Đối với những vi phạm của Thẩm phán Lê Châu Ngọc H4 trong quá trình tố tụng, việc nhận tiền đóng tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí tố tụng của ông H1 thông qua tài khoản cá nhân thì ông H1 có quyền tố cáo Thẩm phán Lê Châu Ngọc H4 để giải quyết theo quy định pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Yoko H, không chấp nhận yêu cầu phản tố chia tài sản chung vợ chồng của ông Vũ Xuân H1 đối với Căn hộ số 12.04C chung cư S T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh) do đây là tài sản riêng của ông Vũ Xuân H1, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Xuân H1 về việc buộc bà Yoko H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền 2.120.000.000 đồng và thanh toán cho bà Nguyễn Hải L số tiền là 606.500.000 đồng là đã đánh giá đúng, đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bà Yoko H và ông Vũ Xuân H1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn kháng cáo của ông Vũ Xuân H1 làm trong hạn luật định, đương sự đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Yoko H và ông Vũ Xuân H1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, bà Yoko H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều vấn đề trong cuộc sống và không thể hàn gắn tình cảm. Ông H1 cũng thừa nhận thừa cả hai bất đồng quan điểm, không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2018 đến nay nhưng ông không đồng ý ly hôn vì bà Yoko H cho rằng ông thường xuyên bạo hành vợ con là không đúng sự thật. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông Vũ Xuân H1 là có thật và đã trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Yoko H được ly hôn với ông Vũ Xuân H1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung:

Bà Yoko H và ông Vũ Xuân H1 có 02 con chung là cháu Hiroki H3, sinh năm 2001 quốc tịch Nhật Bản và A (Vũ Trịnh Thiên Ân), sinh năm 2005 quốc tịch Nhật Bản – Việt Nam. Do các cháu đều đã trưởng thành nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung:

Theo ông Vũ Xuân H1 trình bày thì vợ chồng ông bà có tài sản chung là Căn hộ số 12.04 Lô C T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh) và yêu cầu Tòa án chia tài sản này cho ông và bà Yoko H. Tuy nhiên, xét thấy căn hộ S Lô C T nêu trên được ông H1 mua lại của bà Huỳnh Thị Mỹ D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 991203 do Ủy ban nhân dân Quận C1 - thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2013 cho bà D và được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – chi nhánh Q cập nhật, sang tên trang 04 cho ông Vũ Xuân H1 vào ngày 05/12/2015. Bà Yoko H xác định đây là tài sản riêng của ông H1, bà đã có Văn bản cam kết ngày 27/11/2018 xác nhận đây là tài sản riêng của ông H1, được Văn phòng C, chứng thực và bà cam kết không tranh chấp, yêu cầu gì đối với tài sản này. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của ông H1 là có căn cứ.

[2.4] Về nợ chung:

Ông Vũ Xuân H1 đề nghị Tòa án buộc bà Yoko H có trách nhiệm cùng ông thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ là 2.120.000.000đ và thanh toán cho bà Nguyễn Hải L số tiền nợ là 606.500.000đ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Hải L để làm rõ khoản nợ này, hướng dẫn làm đơn yêu cầu độc lập và cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu nếu có nhưng bà M và bà L không hợp tác làm việc nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Xuân H1 về việc buộc bà Yoko H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán các khoản nợ này là đúng quy định.

Bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Hải L có quyền khởi kiện ông Vũ Xuân H1 và bà Yoko H bằng một vụ án khác về tranh chấp khoản nợ khi có yêu cầu.

Ông H1 kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, không tiến hành đối chất, xem xét thiếu yêu cầu của ông, vi phạm thủ tục công khai chứng cứ, biên bản phiên tòa sơ thẩm thông thể hiện đúng diễn biến thực tế là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa ông H1 và bà Y tại Nhật Bản, ông H1 được khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Đối với việc ông H1 cho rằng đã chuyển khoản các khoản tiền tạm ứng án phí, chi phí tố tụng cho thẩm phán Lê Châu Ngọc H4 vào tài khoản cá nhân tại cấp sơ thẩm nhưng không được xem xét, giải quyết: Xét thấy đối với vấn đề này ông H1 có quyền tố cáo Thẩm phán Lê Châu Ngọc H4 để được giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Bà Yoko H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Vũ Xuân H1 số tiền 24.500.000đ tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[3.2] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị đơn ông Vũ Xuân H1 không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Xuân H1; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2025/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai.

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Yoko H. Bà Yoko H được ly hôn với ông Vũ Xuân H1.

2. Về con chung: Đối với 02 con chung là Hiroki H3, sinh năm 2001 quốc tịch Nhật Bản và A (Vũ Trịnh Thiên Ân), sinh năm 2005 quốc tịch Nhật Bản – Việt Nam đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu phân tố chia tài sản chung vợ chồng của ông Vũ Xuân H1 đối với Căn hộ số 12.04 Lô C T, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, thành phố Hồ Chí Minh) do đây là tài sản riêng của ông Vũ Xuân H1.

4. Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Vũ Xuân H1 về việc buộc bà Yoko H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị M số tiền 2.120.000.000đ và thanh toán cho bà Nguyễn Hải L số tiền 606.500.000đ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Yoko H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Yoko H đã nộp

theo biên lai thu số 0007641 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3 - thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh), bà Yoko H đã nộp xong.

Hoàn trả cho ông Vũ Xuân H1 số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp là theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006718 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Đồng Nai).

5.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Vũ Xuân H1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006359 ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông H1 đã nộp xong.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 4 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS KV 4 – Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1 – TP.HCM;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Bùi Lan Hương